

Số: *168* /QĐ-UBND

Châu Thành, ngày 24 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2021 huyện Châu Thành

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước, ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 3443/QĐ-UBND, ngày 09/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021 cho các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 22/12/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành về giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương huyện Châu Thành năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 22/12/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành về phân bổ ngân sách địa phương huyện Châu Thành năm 2021;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 577/TTr.TCKH, ngày 24/12/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2021 của huyện Châu Thành (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện; Trưởng phòng Tài chính
- Kế hoạch huyện; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết
định này./ *✍*

Nơi nhận: *✍*

- Như Điều 3;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Văn phòng Huyện ủy;
- Các phòng, ban thuộc UBND huyện;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Tòa án nhân dân huyện;
- Cơ quan của các đoàn thể ở huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Công thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, NC.^{Thịnh}

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Ngô Thanh Toàn

UBND HUYỆN CHÂU THÀNH

Biểu số 81/CK-NSNN



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2021

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Đính kèm Quyết định số: 168 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Châu Thành)

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH HUYỆN	405,636,000
I	Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp	44,690,000
	Thu ngân sách huyện hưởng 100%	1,410,000
	Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia	43,280,000
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	360,946,000
	Thu bổ sung cân đối	285,816,000
	Thu bổ sung có mục tiêu	75,130,000
III	Thu kết dư	
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	405,636,000
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	330,506,000
1	Chi đầu tư phát triển	23,273,000
2	Chi thường xuyên	300,752,000
3	Dự phòng ngân sách	6,481,000
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
II	Chi các chương trình mục tiêu	75,130,000
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	75,130,000
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	



**CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021**

(Đính kèm Quyết định số : 168 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của UBND huyện
Châu Thành)

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán
A	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN	
I	Nguồn thu ngân sách	401,399,000
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	40,453,000
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	360,946,000
	<i>Thu bổ sung cân đối</i>	285,816,000
	<i>Thu bổ sung có mục tiêu</i>	75,130,000
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	Chi ngân sách	401,399,000
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	365,560,229
2	Chi bổ sung cho ngân sách xã	35,838,771
	<i>Chi bổ sung cân đối</i>	30,845,390
	<i>Chi bổ sung có mục tiêu</i>	4,993,381
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	
B	NGÂN SÁCH XÃ	
I	Nguồn thu ngân sách	40,075,771
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	4,237,000
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	35,838,771
	<i>Thu bổ sung cân đối</i>	30,845,390
	<i>Thu bổ sung có mục tiêu</i>	4,993,381
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	Chi ngân sách	40,075,771

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Đính kèm Quyết định số: 168 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Châu Thành)

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	48,400,000	44,690,000
I	Thu nội địa	48,400,000	44,690,000
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý		
2	Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	18,500,000	18,390,000
	Thuế giá trị gia tăng	16,390,000	16,390,000
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2,000,000	2,000,000
	Thuế TTĐB hàng hóa, dịch vụ trong nước	60,000	
	Thuế tài nguyên	50,000	
5	Thuế thu nhập cá nhân	8,000,000	8,000,000
6	Thuế bảo vệ môi trường		
7	Lệ phí trước bạ	12,000,000	12,000,000
8	Thu phí, lệ phí	2,400,000	1,600,000
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước		
12	Thu tiền sử dụng đất	7,000,000	4,200,000
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết		
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
16	Thu khác ngân sách	500,000	500,000
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác		
II	Thu viện trợ		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2021

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Đính kèm Quyết định số : 168 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Châu Thành)

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	Nội dung	Ngân sách huyện	Chia ra	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	405,636,000	365,560,229	40,075,771
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	330,506,000	290,430,229	40,075,771
I	Chi đầu tư phát triển	23,273,000	23,273,000	-
1	Chi đầu tư cho các dự án	23,273,000	23,273,000	
	Trong đó chia theo lĩnh vực:			
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
-	Chi khoa học và công nghệ			
	Trong đó chia theo nguồn vốn:			
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	4,200,000	4,200,000	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết			
2	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi thường xuyên	300,752,000	260,676,229	40,075,771
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	189,696,000	189,536,000	160,000
2	Chi khoa học và công nghệ			
III	Dự phòng ngân sách	6,481,000	6,481,000	
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	75,130,000	75,130,000	-
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia			
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	75,130,000	75,130,000	-
	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	64,760,000	64,760,000	
	Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách và một số chương trình mục tiêu	10,370,000	10,370,000	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU			

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2021



(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Đính kèm Quyết định số: 168 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Châu Thành)

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	Nội dung	Dự toán
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	326,269,000
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ	35,838,771
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC	290,430,229
I	Chi đầu tư phát triển	23,273,000
1	Chi đầu tư cho các dự án	23,273,000
2	Chi đầu tư phát triển khác	
II	Chi thường xuyên	256,518,229
1	Chi giáo dục, đào tạo & dạy nghề	186,909,000
2	Chi khoa học & công nghệ	
3	Chi quốc phòng	1,091,229
4	Chi an ninh & trật tự an toàn xã hội	253,000
5	Chi y tế, dân số & gia đình	872,000
6	Chi văn hóa thông tin	1,168,000
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	804,000
8	Chi thể dục thể thao	645,000
9	Chi bảo vệ môi trường	3,016,000
10	Chi các hoạt động kinh tế	31,051,000
11	Chi hoạt động của các cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	28,545,000
12	Chi đảm bảo xã hội	1,364,000
13	Chi thường xuyên khác	800,000
III	Dự phòng ngân sách	6,481,000
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	4,158,000
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2021

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Đính kèm Quyết định số: 168 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Châu Thành)

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể CTMTQG)	Chi thường xuyên (Không kể CTMTQG)	Chi trả nợ lãi do CQĐP vay	Chi bổ sung quỹ DTTC	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình CTMTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
	TỔNG SỐ	292,270,000	23,273,000	258,358,000	0	0	6,481,000	4,158,000	0	0	0	0
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	279,791,229	23,273,000	256,518,229	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Ban quản lý dự án	31,581,000	23,273,000	8,308,000								
2	Huyện ủy	7,571,547		7,571,547								
3	Văn Phòng HĐND & UBND	4,867,301		4,867,301								
4	Phòng NN&PTNT	9,473,848		9,473,848								
5	Phòng Tư Pháp	456,751		456,751								
6	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	14,419,066		14,419,066								
7	Phòng Tài chính - Kế hoạch	609,960		609,960								
8	Phòng Giáo Dục - Đào tạo	184,856,703		184,856,703								
9	Phòng LĐ-TBXH	1,856,086		1,856,086								
10	Phòng Văn hoá TT	696,757		696,757								
11	Phòng tài Nguyên MT	3,992,345		3,992,345								
12	Phòng Nội Vụ	2,068,188		2,068,188								
13	Thanh Tra NN	618,202		618,202								

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể CTMTQG)	Chi thường xuyên (Không kể CTMTQG)	Chi trả nợ lãi do CQĐP vay	Chi bổ sung quỹ DTTC	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình CTMTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
14	Phòng Dân tộc	327,060		327,060								
15	Ủy ban Mặt trận tổ quốc	686,082		686,082								
16	Huyện đoàn	542,527		542,527								
17	Hội Liên hiệp phụ nữ	679,491		679,491								
18	Hội Nông dân	674,796		674,796								
19	Hội Cựu chiến binh	395,475		395,475								
20	Hội Chữ thập đỏ	226,217		226,217								
21	Hội Người cao tuổi	131,916		131,916								
22	Hội NNCD DC	59,700		59,700								
23	Hội CSCMBĐBTĐ	131,916		131,916								
24	Hội khuyến học	59,700		59,700								
25	Trung tâm GDNN - GDTX	928,061		928,061								
26	Trung tâm BDCT huyện	778,335		778,335								
27	Đài truyền thanh	741,420		741,420								
28	Trung tâm Văn hóa - Thể thao	1,616,775		1,616,775								
29	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	988,355		988,355								
30	Trung tâm y tế	872,000		872,000								
31	Ban chỉ huy Quân Sự huyện	1,091,229		1,091,229								
32	Công an huyện	253,000		253,000								
33	Các khoản chi quản lý tại ngân sách	5,539,421		5,539,421								



STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể CTMTQG)	Chi iường xuyên (Không kể CTMTQG)	Chi trả nợ lãi do CQĐP vay	Chi bổ sung quỹ DTTC	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình CTMTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
II	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	0										
III	Chi bổ sung Quỹ Dự trữ tài chính	0										
IV	Dự phòng ngân sách	6,481,000					6,481,000					
V	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	4,158,000						4,158,000				
VI	Chi bổ sung có mục tiêu cho NS xã	1,839,771	0	1,839,771	0	0	0	0	0	0	0	0
1	UBND xã An Ninh	244,939		244,939								
2	UBND xã Hiệp	250,194		250,194								
3	UBND xã Phú Tâm	272,721		272,721								
4	UBND xã Phú Tân	241,723		241,723								
5	UBND xã Thuận Hòa	181,453		181,453								
6	UBND xã Thiện Mỹ	206,207		206,207								
7	UBND xã Hồ Đắc Kien	240,423		240,423								
8	UBND TT Châu Thành	202,111		202,111								
VII	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	0										



DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2021



(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Đính kèm Quyết định số: 168 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Châu Thành)

ĐVT: Ngân đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Trong Đó															
			Chi Giáo dục - Đào tạo và Dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi Y tế, Dân số và Gia đình	Chi Văn hóa - Thông tin	Chi Phát thanh, Truyền hình, Thông tấn	Chi Thể dục Thể thao	Chi Bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý địa phương, Đảng, Đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi đầu tư khác	
													Chi giao thông	Chi Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Thủy lợi, Thủy sản				
TỔNG SỐ		67,500,000	65,510,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,990,000	1,990,000	-	-	-	-
1	Ban quản lý dự án	67,500,000	65,510,000										1,990,000	1,990,000				

DỰ TOÁN CHI THUỐNG XUYỀN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2021

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Đính kèm Quyết định số: 168 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Châu Thành)

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi Giáo dục Đào tạo và Dạy nghề	Chi Khoa học và Công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi Y tế, Dân số và Gia đình	Chi văn hóa - thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý địa phương, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản			
TỔNG SỐ		256,518,229	186,909,000	-	1,091,229	253,000	872,000	1,168,000	804,000	645,000	3,016,000	31,051,000	731,645	250,000	28,545,000	1,364,000	800,000
1	Ban quản lý dự án	8,308,000										8,308,000					
2	Huyện ủy	7,571,547	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	7,571,547	-	-
3	Văn Phòng HĐND - UBND	4,867,301	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4,867,301	-	-
4	Phòng NN - PTNT	9,473,848	150,000	-	-	-	-	-	-	-	-	8,358,000	-	50,000	965,848	-	-
5	Phòng Tư Pháp	456,751													456,751		
6	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	14,419,066	-	-	-	-	-	-	-	-	-	12,961,645	731,645	-	1,457,421	-	-
7	Phòng Tài chính- Kế hoạch	609,960													609,960		
8	Phòng Giáo Dục - Đào tạo	184,856,703	183,853,000												1,003,703		
9	Phòng LĐ-TBXH	1,856,086													509,966	1,346,120	
10	Phòng Văn hoá TT	696,757	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	696,757	-	-
11	Phòng tài Nguyên MT	3,992,345	-	-	-	-	-	-	-	-	3,016,000	435,000	-	-	541,345	-	-
12	Phòng Nội Vụ	2,068,188	650,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	618,188	-	800,000
13	Thanh Tra NN	618,202													618,202		
14	Phòng Dân tộc	327,060													327,060		
15	Ủy ban Mặt trận tổ quốc	686,082	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	686,082	-	-
16	Huyện đoàn	542,527													542,527		
17	Hội Liên hiệp phụ nữ	679,491													679,491		
18	Hội Nông dân	674,796													674,796		
19	Hội Cựu chiến binh	395,475													395,475		
20	Hội Chữ thập đỏ	226,217													226,217		
21	Hội Người cao tuổi	131,916													131,916		
22	Hội NNCD DC	59,700													59,700		
23	Hội CSCMBĐBTĐ	131,916													131,916		
24	Hội khuyến học	59,700													59,700		
25	Trung Tâm GDNN - GDTX	928,061	928,061														
26	Trung Tâm Chính trị	778,335	778,335														
27	Đài truyền thanh	741,420							741,420								
28	Trung tâm Văn hóa - Thể thao	1,616,775						1,047,103		569,671							
29	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	988,355	-	-	-	-	-	-	-	-	-	988,355	-	200,000	-	-	-
30	Trung tâm y tế	872,000					872,000										
31	Ban chỉ huy Quân Sự huyện	1,091,229			1,091,229												
32	Công an huyện	253,000				253,000											
33	Các khoản chi quản lý tại ngân sách	5,539,421	549,603	-	-	-	-	120,897	62,580	75,329	-	0	-	-	4,713,132	17,880	

DỰ TOÁN THU, SỐ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2021

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Đính kèm Quyết định số: 168 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Châu Thành)

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp			Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp huyện	Số bổ sung thực hiện điều chỉnh tiền lương	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi cân đối ngân sách xã
			Tổng số	Chia ra					
				Thu ngân sách xã hưởng 100%	Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia				
TỔNG SỐ		6,110,000	4,237,000	910,000	3,327,000	30,845,390	-	-	35,082,390
1	UBND xã An Ninh	517,000	505,000	137,000	368,000	4,485,921			4,990,921
2	UBND xã Hiệp	1,463,000	836,000	173,000	663,000	3,645,064			4,481,064
3	UBND xã Phú Tâm	1,067,000	603,400	115,000	488,400	4,373,360			4,976,760
4	UBND xã Phú Tân	324,000	316,800	110,000	206,800	4,018,260			4,335,060
5	UBND xã Thuận Hòa	350,000	347,000	70,000	277,000	3,520,930			3,867,930
6	UBND xã Thiện Mỹ	437,000	424,400	55,000	369,400	3,624,285			4,048,685
7	UBND xã Hồ Đắc Kiện	252,000	245,400	80,000	165,400	4,200,853			4,446,253
8	UBND TT Châu Thành	1,700,000	959,000	170,000	789,000	2,976,717			3,935,717



**DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
CHO NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2021**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Đính kèm Quyết định số: 168 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Châu Thành)

Đơn vị: ngàn đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia
A	B	$I=2+3+4$	2	3	4
TỔNG SỐ		4,993,381	-	4,993,381	-
I	Đã phân bổ đầu năm	1,839,771		1,839,771	
1	UBND xã An Ninh	244,939		244,939	
2	UBND xã Hiệp	250,194		250,194	
3	UBND xã Phú Tâm	272,721		272,721	
4	UBND xã Phú Tân	241,723		241,723	
5	UBND xã Thuận Hòa	181,453		181,453	
6	UBND xã Thiện Mỹ	206,207		206,207	
7	UBND xã Hồ Đắc Kịch	240,423		240,423	
8	UBND TT Châu Thành	202,111		202,111	
II	Các khoản chưa phân bổ	3,153,610		3,153,610	

(Định kèm Quyết định số: 168 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Châu Thành)

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư			Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2019				Lũy kế vốn đã bỏ trí đến 31/12/2019				Kế hoạch vốn năm 2020				
						Tổng mức đầu tư được duyệt			Chia theo nguồn vốn				Chia theo nguồn vốn				Chia theo nguồn vốn				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngoài nước	Ngân sách TW	Ngân sách ĐP	Tổng số	Ngoài nước	Ngân sách TW	Ngân sách ĐP	Tổng số	Ngoài nước	Ngân sách TW	Ngân sách ĐP	Tổng số	Ngoài nước	Ngân sách TW	Ngân sách ĐP
Tổng số						91,141,000	-	-	91,141,000	22,213,000	-	-	22,213,000	-	-	-	-	67,500,000	-	-	67,500,000
A	Giáo dục - đào tạo và dạy nghề					89,144,000	-	-	89,144,000	22,213,000	-	-	22,213,000	-	-	-	-	65,510,000	-	-	65,510,000
I	Ban quản lý dự án huyện					89,144,000	-	-	89,144,000	22,213,000	-	-	22,213,000	-	-	-	-	65,510,000	-	-	65,510,000
	Thực hiện dự án (dự án chuyển tiếp)					22,797,000	-	-	22,797,000	22,213,000	-	-	22,213,000	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Trường Tiểu học Thiện Mỹ A		Thiện Mỹ	2020	1271/ QĐ-UBND, 21/10/2019	14,797,000			14,797,000	14,415,000			14,415,000	-			-	-			
2	Trường Tiểu học Phú Tân B		Phú Tân	2020	1267/ QĐ-UBND, 18/10/2019	8,000,000			8,000,000	7,798,000			7,798,000	-			-	-			
	Thực hiện dự án (Dự án khởi công mới)					66,347,000	-	-	66,347,000	-	-	-	-	-	-	-	-	65,510,000	-	-	65,510,000
1	Trường THCS Thiện Mỹ		Thiện Mỹ	2021	1269/ QĐ-UBND, 30/10/2020	14,899,000			14,899,000	-								14,830,000			14,830,000
2	Trường Tiểu học Thiện Mỹ A		Thiện Mỹ	2021	1270/ QĐ-UBND, 30/10/2020	13,999,000			13,999,000									13,930,000			13,930,000
3	Trường THCS An Hiệp		An Hiệp	2021	1272/ QĐ-UBND, 30/10/2020	14,319,000			14,319,000									14,240,000			14,240,000
4	Trường Mẫu giáo An Hiệp		An Hiệp	2021	1273/ QĐ-UBND, 30/10/2020	14,990,000			14,990,000									14,510,000			14,510,000
5	Trường Mầm non Hồ Đắc Kien		Hồ Đắc Kien	2021	1271/ QĐ-UBND, 30/10/2020	8,140,000			8,140,000									8,000,000			8,000,000
C	Giao thông					1,997,000	-	-	1,997,000	-	-	-	-	-	-	-	-	1,990,000	-	-	1,990,000
I	Ban quản lý dự án huyện					1,997,000	-	-	1,997,000	-	-	-	-	-	-	-	-	1,990,000	-	-	1,990,000
	Thực hiện dự án (dự án chuyển tiếp)					-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Thực hiện dự án (Dự án khởi công mới)					1,997,000	-	-	1,997,000	-	-	-	-	-	-	-	-	1,990,000	-	-	1,990,000
1	Nâng cấp Khu phố chợ Thuận Hòa		Thị trấn	2020-2021	1275/QĐ-UBND, 02/11/2020	1,997,000			1,997,000									1,990,000			1,990,000